/. DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLE	RANCI
2006/01/20			aaq	Ho_Shou_Hsuan	0.5 ≦,≦6	±0.
			-		6 < ,≦ 30	±0.
,					30 < ,≦ 120	±0.
7					120 < ,≦ 315	±0.
	177				TOLERANCES OTHERWISE SPI	
					FINISH MAR	~
						G \
					6.3	)
		•				
				-		
	[a	a				
	G	7				
		54.7-0.012				
	G G					
	<b>~</b>					
	0.4					
	<b>↑</b> [□]					
	33 →85 H					
GS1 (42.0) -GS	2 ~m					
	<b>-</b>					
	J					
	<del>/</del> \$0   \ <u>\</u>					
	5 0	ED-EW				

註記:(SC-147) 不可倒角(SC-161)

S CHUẨN

DWN.	CHKD.	TITLE		PARTS NAME
aaq	Ho_Shou_Hsuan	部品図		軸
QUENCH&TEMPER	SURFACE	PART	DRAWING	SHAFT
HRC 60°~ 64°		剖	品図	軸
HRC 00 ~ 04			品図	轴
MATERIAL	DATE	SCALE	4	DWG.No.
SKD	2006/01/20	1:1	\\\\\\\\\\\\\\\\\\\\\\\\\\\\\\\\\\\\\\	S787549

SNO: <b>S787549</b> Số PCS TốI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:						
DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P					
DIỄN GIẢI  1.VẬT LIỆU: SKH51 Ø5*43	GS1:10 ED:15 GC:40 GS2:20 EW:30 KT					